

Số: /2022/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**DỰ THẢO**  
Ngày 28/4/2022

## **THÔNG TƯ**

### **Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn**

*Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Thủy sản;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y,*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT)**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 9a như sau:

“c) Các văn bản quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi (sau đây viết tắt là Nghị định số 13/2020/NĐ-CP) đối với thức ăn chăn nuôi; khoản 2 Điều 29 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (sau đây viết tắt là Nghị định số 26/2019/NĐ-CP) và pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa đối với thức ăn thủy sản.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 9a như sau:

“3. Cục Thú y thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật thú y, tổ chức kiểm tra nhà nước, tiếp nhận, xử lý các thủ tục hành chính có liên quan đến kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu thuộc diện phải kiểm dịch động vật trước thông quan.

Cục Thú y gửi văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch, kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản cho chủ hàng, cơ quan kiểm dịch động vật

cửa khẩu qua trên Công thông tin một cửa quốc gia (trường hợp chủ hàng đăng ký trên Công thông tin một cửa quốc gia) hoặc gửi thư điện tử (trường hợp chủ hàng đăng ký qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp).

4. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này; tổ chức kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật nhập khẩu theo quy định tại khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, thức ăn thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP và pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa”.

3. Sửa đổi, bổ sung Mẫu 20a tại Phụ lục V như sau:

**“CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu 20a

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH VÀ KIỂM TRA  
XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN CÓ  
NGUỒN GỐC ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU**

Số/No:.....  
(Dành cho tổ chức, cá nhân đăng ký  
kiểm tra ghi)

Số/No:.....  
(Dành cho cơ quan kiểm tra ghi)

Kính gửi: .....

<p>1. Bên bán hàng: Địa chỉ: Điện thoại: Email:</p>	<p>2. Bên mua hàng: Địa chỉ: Điện thoại: Email: Số định danh cá nhân/CMND/căn cước (với cá nhân): ..... ngày cấp , nơi cấp</p>
<b>MÔ TẢ HÀNG HÓA/DESCRIPTION OF GOODS</b>	
<p>3. Tên hàng hóa: 4. Số lượng, khối lượng:                      loại bao bì: 5. Trọng lượng tịnh: 6. Trọng lượng cả bì:</p>	<p>8. Mã số công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được cấp phép lưu hành tại Việt Nam (nếu có): 9. Tên cơ sở sản xuất (hãng, nước sản xuất):</p>

7. Mục đích sử dụng:	10. Xuất xứ hàng hóa:
<b>THÔNG TIN LIÊN QUAN</b>	
11. Văn bản hướng dẫn kiểm dịch, kiểm tra chất lượng số.....ngày 12. Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu số.....ngày 13. Cửa khẩu xuất: 14. Cửa khẩu nhập: 15. Hợp đồng mua bán: 16. Hóa đơn mua bán: 17. Danh mục hàng hóa (Packing list): 18. Vận đơn (Bill of Lading):	19. Thời gian đăng ký lấy mẫu kiểm tra (kiểm dịch): 20. Địa điểm đăng ký lấy mẫu kiểm tra: 21. Thông tin người liên hệ: 22. Thời gian kiểm tra (chất lượng): 23. Biện pháp công bố hợp quy: 24. Đơn vị đánh giá sự phù hợp:
<p>Chúng tôi xin cam kết: Bảo đảm nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và thực hiện việc kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu theo quy định của pháp luật.</p> <p style="text-align: right;">..... ngày.....tháng.....năm</p> <p style="text-align: center;"><b>Đại diện tổ chức, cá nhân</b> (Ký tên, đóng dấu)</p> <p style="text-align: center;"><b>DÀNH CHO CƠ QUAN KIỂM TRA</b></p>	
26. Yêu cầu kiểm tra chỉ tiêu:	
<p>Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan. Sau đó, doanh nghiệp phải xuất trình toàn bộ hồ sơ và hàng hóa đã hoàn thành thủ tục hải quan cho cơ quan kiểm tra để được kiểm tra chất lượng theo quy định.</p>	

**Xác nhận của Cơ quan kiểm dịch và kiểm tra chất lượng**

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm:..... để làm thủ tục kiểm dịch và kiểm tra chất lượng vào hồi..... giờ, ngày..... tháng..... năm.....

Lô hàng chỉ được phép thông quan sau khi được quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và thực hiện việc kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Đại diện cơ quan kiểm tra**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)”

### Xác nhận của Cơ quan Hải quan

(Trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do:

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Hải quan cửa khẩu.....**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)”

4. Bổ sung số thứ tự thứ 5 vào Bảng 1 của Phụ lục XI như sau:

#### “1. Bảng 1: Các bệnh phải xét nghiệm đối với động vật

TT	Tên bệnh	Loại động vật	Mục đích
5	Dịch tả lợn Châu Phi	Lợn	Làm giống, giết mổ

5. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự thứ 9, 14, 15 Bảng 1 mục I của Phụ lục XII như sau:

#### “1. Bảng 1: Các bệnh phải xét nghiệm đối với động vật nhập khẩu

TT	Tên bệnh	Loại động vật	Mục đích sử dụng
9	Dịch tả loài nhai lại nhỏ	Dê, cừu	Làm giống hoặc làm cảnh hoặc giết mổ
14	Dịch tả lợn Châu phi	Lợn	Làm giống hoặc làm cảnh hoặc giết mổ
15	Cúm gia cầm thể độc lực cao	Gà, vịt, ngan, ngỗng, chim	Làm giống hoặc làm cảnh hoặc giết mổ

6. Bãi bỏ cụm từ “Đối với gia súc sử dụng làm giống, lấy mẫu toàn đàn để xét nghiệm bệnh” tại Bảng 1 mục I của Phụ lục XII.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 mục II của Phụ lục XII như sau:

“c) Tác nhân gây bệnh:

<b>Loại sản phẩm</b>		<b>Kiểm tra tác nhân gây bệnh</b>
<b>I. Nhóm nguy cơ cao</b>	Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt trâu, bò đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế	<i>Lở mồm long móng</i>
	Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt dê, cừu đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế	<i>Lở mồm long móng</i>
	Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt lợn đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế	<i>Lở mồm long móng, Dịch tả lợn Châu phi,</i>
	Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt gia cầm, chim đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế	<i>Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xon,</i>
	Sữa tươi nguyên liệu	<i>Lở mồm long móng, Sảy thai truyền nhiễm</i>
	Trứng gia cầm tươi	<i>Salmonella</i>
	Tổ yến thô	<i>Cúm gia cầm thể độc lực cao</i>
<b>II. Nhóm nguy cơ thấp</b>	Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt trâu, bò chế biến	<i>Lở mồm long móng</i>
	Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt dê, cừu chế biến	<i>Lở mồm long móng</i>
	Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt lợn chế biến	<i>Lở mồm long móng, Dịch tả lợn Châu phi</i>
	Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt gia cầm, chim chế biến	<i>Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xon,</i>
	Sữa và sản phẩm từ sữa đã qua chế biến	<i>Salmonella</i>
	Trứng và sản phẩm trứng đã qua chế biến	<i>Salmonella</i>

Việc lấy mẫu theo tần suất được áp dụng trên tổng số lô hàng nhập khẩu tính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 trong cùng 01 (một) năm; việc kiểm tra tác nhân gây bệnh được áp dụng theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, quy định quốc tế hiện hành.”

8. Bãi bỏ điểm d khoản 1 mục II của Phụ lục XII.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 2 mục II của Phụ lục XII như sau:

“a) Đối với nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản có nguồn gốc động vật: lấy mẫu từng lô hàng kiểm tra các chỉ tiêu *Lở mồm long móng* đối với sản phẩm có nguồn gốc từ loài nhai lại; *Lở mồm long móng, Dịch tả lợn Châu phi* đối với sản phẩm có nguồn gốc từ lợn; *Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xon*

đối với sản phẩm có nguồn gốc từ gia cầm; đối với sản phẩm có nguồn gốc thủy sản, kiểm tra ít nhất 01 chỉ tiêu mầm bệnh theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản. Việc kiểm tra tác nhân gây bệnh được áp dụng theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, quy định quốc tế hiện hành;

b) Đối với thức ăn chăn nuôi thành phẩm có chứa sản phẩm động vật: cứ 05 lô hàng lấy mẫu 01 lô hàng kiểm tra các chỉ tiêu *Lở mồm long móng* đối với sản phẩm có nguồn gốc từ loài nhai lại; *Lở mồm long móng*, *Dịch tả lợn Châu phi* đối với sản phẩm có nguồn gốc từ lợn; *Cúm gia cầm thể độc lực cao*, *Niu-cát-xon* đối với sản phẩm có nguồn gốc từ gia cầm; đối với sản phẩm có nguồn gốc thủy sản, kiểm tra ít nhất 01 chỉ tiêu mầm bệnh theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; đối với thức ăn chăn nuôi có nhiều thành phần sản phẩm động vật thì kiểm tra các chỉ tiêu tương ứng gồm có *Lở mồm long móng*, *Dịch tả lợn Châu phi*, *Cúm gia cầm thể độc lực cao*. Việc kiểm tra tác nhân gây bệnh được áp dụng theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, quy định quốc tế hiện hành.”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 mục II của Phụ lục XII như sau:

“d) Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu tiếp nhận hồ sơ, thực hiện việc kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, Điều 29 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;

Trường hợp chủ hàng lựa chọn lựa chọn tổ chức được chỉ định khác đánh giá sự phù hợp thức ăn chăn nuôi, thủy sản thì chủ hàng gửi cho cơ quan kiểm dịch cửa khẩu kết quả đánh giá sự phù hợp kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản;”

11. Sửa đổi, bổ sung tên mục III của Phụ lục XII như sau:

“III. Kiểm tra giám sát các vi sinh vật gây hại, chất tồn dư độc hại đối với động vật giết mổ làm thực phẩm, sản phẩm động vật nhập khẩu làm thực phẩm”

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 mục III của Phụ lục XII như sau:

“1. Chỉ tiêu, số mẫu giám sát: Hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Cục Thú y báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn cụ thể chỉ tiêu, số mẫu giám sát tùy theo tình hình thực tiễn cần kiểm soát các vi sinh vật gây hại, chất tồn dư độc hại (kim loại nặng, hóa chất bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng và các chất độc hại khác) đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu;”

13. Bổ sung mục V vào phần cuối cùng của Phụ lục XII như sau:

“V. XỬ LÝ MẪU ĐỀ XÉT NGHIỆM

1. Đối với các bệnh phải xét nghiệm trên động vật nhập khẩu theo quy định tại bảng 1 mục I của Phụ lục XII: gộp 05 mẫu đơn lẻ thành 01 mẫu để xét nghiệm

các tác nhân gây bệnh theo hướng dẫn kỹ thuật của Cục Thú y.

2. Đối với các bệnh phải xét nghiệm trên sản phẩm động vật nhập khẩu theo quy định tại mục II của Phụ lục XII:

a) Nếu lô hàng có 1 mặt hàng: Lấy 05 mẫu đơn lẻ và gộp thành 01 mẫu xét nghiệm các tác nhân gây bệnh;

b) Đối với lô hàng có nhiều mặt hàng: cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lựa chọn mặt hàng có số lượng lớn, mỗi mặt hàng lấy 05 mẫu đơn lẻ và gộp thành 01 mẫu xét nghiệm các tác nhân gây bệnh; số lượng mẫu để xét nghiệm không quá 03 mẫu gộp;

c) Nếu các mặt hàng của lô hàng có số lượng bằng nhau, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lựa chọn ngẫu nhiên mặt hàng để lấy mẫu.

3. Nguyên tắc gộp mẫu xét nghiệm: chỉ gộp mẫu đơn lẻ cùng chủng loại, cùng loài động vật, cùng lô hàng, cùng quốc gia, vùng lãnh thổ.

4. Trường hợp không thể gộp mẫu để xét nghiệm theo mẫu gộp thì xét nghiệm các tác nhân gây bệnh theo mẫu đơn.

5. Khi phát hiện lô hàng sản phẩm động vật nhập khẩu không đạt yêu cầu về ngoại quan thì lấy mẫu kiểm tra thêm các chỉ tiêu lý hóa, vi sinh vật gây hại theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn tương ứng.”

**Điều 2.** Bãi bỏ Điều 2 Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Cục trưởng Cục Thú y, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Thú y) để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Công báo Chính phủ, Website Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Sở NN& PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Các đơn vị trực thuộc Cục Thú y;
- Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh;
- Lưu: VT, TY.

**BỘ TRƯỞNG**

**Lê Minh Hoan**